

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – hạnh phúc**

Bản án số: 68 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 9 - 2023

V/v: Ly hôn giữa ông Nô và bà Đào

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Tuyên và bà Đỗ Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Khuông— Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Trần Thị Hoàn – kiểm sát viên.

Ngày 25/9/2023, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 145/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐST- HNGĐ ngày 31/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 36A/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/9/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ông Trần Đăng N, sinh năm 1956 – *Đề nghị xét xử vắng mặt*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Bà Mai Thị Đ, sinh năm 1960 – *Vắng mặt tại phiên tòa*

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2023, bản tự khai ngày 19/7/2023, các đơn gửi Tòa án, nguyên đơn là ông Trần Đăng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Mai Thị Đ tự nguyện tìm hiểu kết hôn với nhau có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Thái Thành (cũ) nay là xã Thuần Thành. Sau khi kết hôn, ông và bà Mai Thị Đ làm ăn, cư trú ổn định tại thôn Đồng Nhân, xã Thái Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau, không thống nhất được việc gì chung. Do mâu thuẫn nên đã ba lần bà Đào tự ý bỏ đi, nhưng sau đó được gia đình, bạn bè và bản thân ông đi tìm nên bà Đào lại quay trở về. Mâu thuẫn âm ỉ kéo dài, đến khoảng từ tháng 1/2023 thì căng

thăng nên bà Đào tiếp tục bỏ đi, ông đã gọi điện nhắn tin nhưng bà Đào không về. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Mai Thị Đ không còn nên ông đề nghị Toà án giải quyết cho ông ly hôn bà Mai Thị Đ.

Về con chung: Ông và bà Mai Thị Đ có bốn con chung là chị Trần Thị T, sinh ngày 24/1/1981; Trần Thị D, sinh ngày 06/9/1983; Trần Thị Hiền, sinh ngày 11/3/1986 và Trần Văn T, sinh ngày 09/12/1991, cả ba con chung đã trưởng thành, có gia đình và tự lập cuộc sống riêng, ông không yêu cầu Toà án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Toà án giải quyết về phân chia tài sản chung, ông và bà Mai Thị Đ không nợ ai nên ông không yêu cầu Toà án giải quyết

* Bà Mai Thị Đ vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến của bà Mai Thị Đ.

* Biên bản lấy lời khai anh Trần Văn T là con chung của ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ có nội dung: Anh được biết bố mẹ anh kết hôn với nhau từ năm 1980; năm 1981 sinh chị Trần Thị T, năm 1983 sinh chị Trần Thị D, năm 1986 sinh chị Trần Thị Thu H và năm 1991 sinh anh là Trần Văn T. Mặc dù có bốn người con nhưng trong cuộc sống luôn có những bất đồng do tính tình không hợp, cuộc sống chung không hạnh phúc. Mẹ anh đã bỏ nhà đi bốn lần nhưng sau đó vì các con lại quay trở về. Lần gần đây nhất vào tháng 2 năm 2023, bố mẹ anh xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau dẫn đến việc mẹ anh bỏ đi và bố anh có đơn xin ly hôn. Anh xác định mâu thuẫn giữa bố mẹ anh đã âm ỉ kéo dài, gia đình và các con đều đã động viên nhưng không có kết quả. Đến nay anh xác định khả năng đoàn tụ giữa bố mẹ anh là không có. Anh xác định bà mẹ anh làm ăn tự do, không cho biết nơi làm, đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết rõ việc bố anh khởi kiện nhưng không đến Toà án làm việc.

* *Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành có nội dung:* Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ đăng ký kết hôn với nhau và đã được UBND xã Thái Thành (cũ) cấp chứng nhận kết hôn vào năm 1980. Sau khi kết hôn, ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ làm ăn, cư trú ổn định, tổ chức cuộc sống gia đình ở tại thôn Đồng Nhân, xã Thái Thành (cũ) nay là xã Thuận Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống ông, bà đã bốn con chung, có nhà cửa, cuộc sống chung bình thường, thi thoảng dư luận phản ánh có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nhưng hai bên vẫn cùng chung sống với nhau. Đến khoảng đầu năm 2023 vợ chồng ông, bà tiếp tục có mâu thuẫn dẫn đến việc ông Trần Đăng N yêu cầu giải quyết ly hôn bà Mai Thị Đ.

Do không hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến

trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng quy định. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 xử cho ông Trần Đăng N ly hôn bà Mai Thị Đ; Về con chung: Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ có bốn con chung là Trần Thị T, sinh ngày 24/1/1981; Trần Thị D, sinh ngày 06/9/1983; Trần Thị Hiền, sinh ngày 11/3/1986 và Trần Văn T, sinh ngày 9/12/1991. Các con chung đều trên 18 tuổi nên không đặt ra việc giải quyết về nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Về tài sản chung: Do các đương sự đều không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Ông Trần Đăng N được miễn án phí do là người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Trần Đăng N đề nghị xét xử vắng, bà Mai Thị Đ vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do nên căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài. Mâu thuẫn căng thẳng từ tháng 02/2023 nên ông, bà ly thân. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù biết rõ ông Trần Đăng N đang yêu cầu giải quyết ly hôn nhưng bà Mai Thị Đ bỏ mặc không về làm việc nên không có giải pháp nào hoà giải. Xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Thuận Thành cũng như thu thập ý kiến của anh Trần Văn T là con đẻ của ông bà đều phản ánh ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ mâu thuẫn đã sâu sắc đúng như lời trình bày của ông Trần Đăng N. Xét thấy mâu thuẫn giữa ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho ông Trần Đăng N ly hôn bà Mai Thị Đ.

[2.2]. *Về con chung*: Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ có bốn con chung là Trần Thị T, sinh ngày 24/1/1981; Trần Thị D, sinh ngày 06/9/1983; Trần Thị Hiền, sinh ngày 11/3/1986 và Trần Văn T, sinh ngày 9/12/1991. Hiện nay cả bốn con chung đều trên 18 tuổi, khoẻ mạnh bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

[2.3]. *Về phân chia tài sản chung, nợ chung*: Do các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3]. *Về án phí*: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Trần Đăng N.

Vì các lẽ trên,

Quyết định:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Trần Đăng N ly hôn bà Mai Thị Đ

2. Về việc nuôi dưỡng con chung: Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ có bốn con chung là Trần Thị T, sinh ngày 24/1/1981; Trần Thị D, sinh ngày 06/9/1983; Trần Thị Hiền, sinh ngày 11/3/1986 và Trần Văn T, sinh ngày 9/12/1991. Hiện nay cả bốn con chung đều trên 18 tuổi, khỏe mạnh bình thường nên không đặt ra việc giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

3. Về phân chia tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Trần Đăng N được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Đăng N và bà Mai Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- VKSND huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thuần Thành (nơi ĐKKH)
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

